

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 79 /QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT04) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 1/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-CTCP397 ngày 08/1/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc phê duyệt kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT04) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 09/1/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 09/1/2025 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT04) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 10/1/2025 của Tổ thẩm định dự toán về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT04) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025;

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025 (GT04), với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: (có phụ lục chi tiết kèm theo)
- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trị dự toán: 9.924.946.560 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT.

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng đầu năm 2025(GT04).

- Giá trị gói thầu: 9.924.946.560 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 15 ngày

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 1 năm 2025

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 145 ngày

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 145 ngày

- Tùy chọn mua thêm: Không

- Giám sát đấu thầu: Không

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, CĐVT.K03.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh



BẢNG KHỎI LƯƠNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 397/QĐ-CTCP397 ngày .../.../2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

TT	Tên hàng hóa/ quy cách hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đvt/đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
01	Ắc giá chữ A Φ55x240	Cái	2	815.000	1.630.000	
02	Ắc Φ70x185	Cái	50	915.000	45.750.000	
03	Ắc giảm sóc trước Φ60x160	Cái	10	815.000	8.150.000	
04	Ắc Piston lái Φ45	Cái	20	715.000	14.300.000	
05	Ắc giằng lái Φ40	Cái	20	665.000	13.300.000	
06	Bạc+ắc nhíp Kamaz	Bộ	8	235.000	1.880.000	
07	Bạc ắc giằng cầu Φ70	Cái	50	395.000	19.750.000	
08	Bạc balie Cos0 740.60D-1000102	Bộ/ xe	5	2.215.000	11.075.000	
09	Bạc biên Cos0 740.60D-1000104	Bộ/ xe	5	2.165.000	10.825.000	
10	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01	Cái	30	615.000	18.450.000	
11	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173	Cái	10	17.915.000	179.150.000	
12	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181	Cái	10	12.015.000	120.150.000	
13	Bàn ép côn 3482083118	Cái	2	9.015.000	18.030.000	
14	Bánh răng 6520-2502120	Cái	3	7.415.000	22.245.000	
15	Bánh răng 6520-2506126	Cái	3	3.515.000	10.545.000	
16	Bánh răng láp 53205-2403050	Cái	10	1.857.000	18.570.000	
17	Bánh răng vành chậu + quả dứa 6520.2502020-10	Bộ	4	15.015.000	60.060.000	
18	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Cái	20	430.000	8.600.000	
19	Bầu phanh lốc kê 6520-3519500	Cái	50	1.465.000	73.250.000	
20	Bầu phanh lốc kê 6520-2918075	Cái	20	1.465.000	29.300.000	
21	Bầu phanh lốc kê 1446057	Cái	2	3.115.000	6.230.000	
22	Bầu phanh trước 661-3519310	Cái	8	1.715.000	13.720.000	
23	Bi chữ thập các đăng Φ48x135	Vòng	2	805.000	1.610.000	
24	Bi chữ thập các đăng Φ52x133	Vòng	10	825.000	8.250.000	
25	Bi chữ thập các đăng Φ52x134	Vòng	5	825.000	4.125.000	
26	Bi chữ thập các đăng Φ57x144	Vòng	5	855.000	4.275.000	
27	Bi chữ thập các đăng Φ57x152	Vòng	8	865.000	6.920.000	

28	Bi moay σ sau 32220	Vòng	2	1.527.000	3.054.000	
29	Bi moay σ sau 34023	Vòng	2	1.515.000	3.030.000	
30	Bi moay σ trước 1868087	Vòng	3	5.215.000	15.645.000	
31	Bi moay σ trước 30615JR	Vòng	12	788.000	9.456.000	
32	Bi moay σ trước 32310JR	Vòng	12	673.000	8.076.000	
33	Bi rọ 664916E	Vòng	1	765.000	765.000	
34	Bi tê côn 2-13-30	Cái	2	3.515.000	7.030.000	
35	Bi tỳ trục đứng 29910C17	Vòng	18	2.215.000	39.870.000	
36	Bình nước phụ 6520-1311010	Cái	1	2.415.000	2.415.000	
37	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Bộ/xe	5	30.915.000	154.575.000	
38	Bộ vỏ ốp vi sai cầu 6520-2403018/2403019	Bộ	4	15.015.000	60.060.000	
39	Bơm lái 4310-3407200	Cái	10	7.915.000	79.150.000	
40	Bơm lái AT-2M0722065-617	Cái	1	4.515.000	4.515.000	
41	Bơm tay nhiên liệu 332.110.601	Cái	12	1.365.000	16.380.000	
42	Ca xoa to 428-33-00021	Cặp	5	35.715.000	178.575.000	
43	Ca xoa nhỏ 287-33-00010	Cặp	5	11.815.000	59.075.000	
44	Căn dọc trục cơ Cos0 6520-2502020-10	Bộ	5	1.095.000	5.475.000	
45	Căn phíp giảm sóc trước 566-50-11290	Cái	10	3.515.000	35.150.000	
46	Căn nhỏ vi sai cầu 5320-2403058	Cái	68	85.000	5.780.000	
47	Căn to vi sai cầu 5320-2403051	Cái	34	175.000	5.950.000	
48	Cánh giảm chấn HD465	Cái	5	18.015.000	90.075.000	
49	Cao su giằng cầu 6520-2919026	Quả	80	765.000	61.200.000	
50	Cây ba dọc 6520-3414009-11	Cái	4	8.815.000	35.260.000	
51	Cây ba dọc 6520-3414009-21	Cái	4	8.815.000	35.260.000	
52	Cây các đăng trước 6520-2205011-10	Cái	10	16.015.000	160.150.000	
53	Chụp chắn bụi giằng lái HD465	Cái	150	365.000	54.750.000	
54	Còi hơi inox	Bộ	5	365.000	1.825.000	
55	Van tiết lưu máy lạnh 33003	Cái	3	1.615.000	4.845.000	
56	Cơ cấu bánh răng truyền động trục trung gian 6520-2502110	Cái	5	9.015.000	45.075.000	
57	Cốc lọc dầu phanh HD465	Cái	1	6.515.000	6.515.000	
58	Còi điện KF-24	Cái	24	3.515.000	84.360.000	
59	Con đội xu páp 740-1007184-03	Cái	96	315.000	30.240.000	

60	Cụm khớp lai bom ben 6090012022	Cụm	6	10.515.000	63.090.000
61	Cụm phom xả khí Kamaz 6520	Cụm	2	1.515.000	3.030.000
62	Cuồng van dài 569-30-72130	Cái	150	1.165.000	174.750.000
63	Cuồng van ngắn 569-30-71600	Cái	40	965.000	38.600.000
64	Dây cu roa 6PK2120	Sợi	30	455.000	13.650.000
65	Dây cu roa 6PK2140	Sợi	10	460.000	4.600.000
66	Dây cu roa 6PK2220	Sợi	10	463.000	4.630.000
67	Dây cu roa 6PK2230	Sợi	5	465.000	2.325.000
68	Dây cu roa 6PK2285	Sợi	15	495.000	7.425.000
69	Dây cu roa 6PK2310	Sợi	25	505.000	12.625.000
70	Dây cu roa máy lạnh RECMF 8390	Sợi	10	305.000	3.050.000
71	Dây cu roa máy lạnh RECMF6580	Sợi	30	225.000	6.750.000
72	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Sợi	45	615.000	27.675.000
73	Dây cu roa máy phát 8PK1495	Sợi	2	805.000	1.610.000
74	Dây cu roa máy phát RECMF6390	Sợi	50	140.000	7.000.000
75	Dây cu roa máy phát RECMF 8390	Sợi	25	305.000	7.625.000
76	Dây cu roa máy lạnh RECMF6390	Sợi	5	140.000	700.000
77	Đế bầu lọc tách nước nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	3	1.215.000	3.645.000
78	Đế cốc lọc dầu phanh HD465	Cái	1	4.965.000	4.965.000
79	Đề khởi động 5402.3708000-01	Cái	6	12.905.000	77.430.000
80	Đèn pha - điện tử 24V (đế sắt)	Cái	150	615.000	92.250.000
81	Đèn pha 342.3711	Cái	14	1.215.000	17.010.000
82	Giảm chấn ống xả 569-02-81111	Cái	2	14.515.000	29.030.000
83	Giảm chấn ống xả 569-02-88132	Cái	2	15.215.000	30.430.000
84	Giảm sóc ghế lái AS198243	Cái	16	9.515.000	152.240.000
85	Giảm sóc nhíp trước 45104290550500/50.2.2905006	Cái	6	1.695.000	10.170.000
86	Giàn lạnh 8236675	Bộ	15	2.515.000	37.725.000
87	Giàn nóng Kamaz 6520	Cái	1	1.615.000	1.615.000
88	Gioăng 566-40-42822	Cái	20	195.000	3.900.000
89	Gioăng bốt lái 561-40-00200	Bộ	15	945.000	14.175.000
90	Gioăng cổ hút Kamaz	Cái	50	165.000	8.250.000
91	Gioăng mặt máy 740.30-1003213	Cái	5	415.000	2.075.000
92	Gioăng moay ơ sau 07000-15460	Cái	5	435.000	2.175.000
93	Gioăng moay ơ sau 56A-46-13480	Cái	15	975.000	14.625.000
94	Gioăng moay ơ sau $\Phi 4 \times 175$	Cái	25	65.000	1.625.000
95	Gioăng moay ơ sau $\Phi 6 \times 250$	Cái	25	195.000	4.875.000
96	Gioăng phốt đại tu 740.50-360	Bộ	8	2.895.000	23.160.000

97	Gioăng phớt xi lanh đóng mở gầu 49327-20250	Bộ	2	3.215.000	6.430.000	
98	Gioăng phớt xi lanh lái 707-98- 26901	Bộ	2	3.015.000	6.030.000	
99	Gioăng phớt xi lanh lái 90Z 49327-72600+49327-72610	Bộ	2	2.865.000	5.730.000	
100	Gioăng phớt xi lanh lái Kamaz 65201	Bộ	3	815.000	2.445.000	
101	Gioăng phớt xi lanh nâng hạ cần Kawasaki 90ZIV-2 49327-60690	Bộ	2	3.515.000	7.030.000	
102	Gối cầu cân bằng 6520-2918070	Cái	15	16.015.000	240.225.000	
103	Guốc phanh 6520-3501095	Cái	8	3.815.000	30.520.000	
104	Khớp lai bơm ben Kamaz 6520	Cái	10	1.515.000	15.150.000	
105	Kim phun nhiên liệu 73.1112110-20	Cái	8	1.815.000	14.520.000	
106	Lá côn 142.1601130	Cái	4	3.315.000	13.260.000	
107	Lá côn MB-27	Cái	1	5.015.000	5.015.000	
108	La răng 1100-20	Bộ	3	2.315.000	6.945.000	
109	Lá thép bơm cao áp 16833-99015	Cái	1	5.315.000	5.315.000	
110	Lọc dầu động cơ 5876101170	Cái	2	615.000	1.230.000	
111	Lọc dầu động cơ P550490	Cái	4	595.000	2.380.000	
112	Lọc dầu động cơ P551670	Cái	3	505.000	1.515.000	
113	Lọc dầu động cơ SO2715	Cái	2	465.000	930.000	
114	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Cái	60	185.000	11.100.000	
115	Lốc điều hòa HCC-15	Cái	1	7.015.000	7.015.000	
116	Lọc gió động cơ 28130-7C000	Cái	1	2.415.000	2.415.000	
117	Lọc gió động cơ YK3046-F	Cái	20	1.835.000	36.700.000	
118	Lọc gió động cơ P622063	Cái	2	1.415.000	2.830.000	
119	Lọc gió xe ca SAMCO 20x25 đế mềm	Cái	1	1.115.000	1.115.000	
120	Lốc lạnh ST150101	Cái	1	6.815.000	6.815.000	
121	Lọc tách nước P554685	Cái	18	793.000	14.274.000	
122	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Cái	35	365.000	12.775.000	
123	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Cái	35	475.000	16.625.000	
124	Lọc dầu động cơ O-7320	Cái	2	604.000	1.208.000	
125	Phin lọc dầu động cơ P502042	Cái	3	565.000	1.695.000	
126	Phin lọc dầu động cơ P550065	Bộ	4	439.000	1.756.000	
127	Phin lọc dầu động cơ P550777	Cái	5	515.000	2.575.000	
128	Phin lọc dầu động cơ P553639	Cái	5	586.000	2.930.000	
129	Phin lọc dầu động cơ P556007	Cái	5	461.000	2.305.000	

130	Phin lọc dầu động cơ P559000	Cái	12	1.165.000	13.980.000
131	Phin lọc dầu hộp số P502577	Cái	5	1.599.000	7.995.000
132	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Cái	4	227.000	908.000
133	Phin lọc dầu nhiên liệu P551047	Cái	7	2.215.000	15.505.000
134	Phin lọc dầu nhiên liệu P551329	Cái	5	335.000	1.675.000
135	Phin lọc dầu nhiên liệu P553004	Cái	6	205.000	1.230.000
136	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Cái	8	386.000	3.088.000
137	Phin lọc dầu nhiên liệu thô P553200	Cái	250	1.983.000	495.750.000
138	Phin lọc dầu nhiên liệu tinh P502480	Cái	100	1.315.000	131.500.000
139	Phin lọc dầu thủy lực P551210	Cái	2	1.362.000	2.724.000
140	Phin lọc gió động cơ P500181	Bộ	2	3.215.000	6.430.000
141	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Cái	20	715.300	14.306.000
142	Phin lọc nhiên liệu P550628	Cái	1	1.085.000	1.085.000
143	Ly tâm cánh quạt động cơ 020002749	Cái	2	7.515.000	15.030.000
144	Má phanh sau DONGFENG	Cái	10	195.000	1.950.000
145	Má phanh sau 58144-5KA20	Cái	6	291.000	1.746.000
146	Má phanh sau Hyundai 58343-7D942/58343-7J500	Cái	10	195.000	1.950.000
147	Má phanh 6520-3501105-41	Cái	100	115.000	11.500.000
148	Má phanh trước 566-32-53221/566-32-53211	Cặp	20	4.515.000	90.300.000
149	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410	Cái	12	2.215.000	26.580.000
150	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650	Cái	12	2.215.000	26.580.000
151	Mặt bích các đăng 2402N-065	Cái	1	1.615.000	1.615.000
152	Mặt bích các đăng dài 6520-2205023	Cái	2	1.815.000	3.630.000
153	Mặt bích trục cái cầu 6520-2502036	Cái	6	4.215.000	25.290.000
154	Mặt máy 740.30-1003010	Cụm	3	7.015.000	21.045.000
155	Máy ép hơi 53205-3509015-02	Cụm	2	7.015.000	14.030.000
156	Máy nén khí điều hòa 10PA15C	Cái	2	5.415.000	10.830.000
157	Máy nén khí điều hòa 10S15C/24V	Cái	2	8.415.000	16.830.000
158	Máy nén khí điều hòa 7S708/24V	Cái	2	4.915.000	9.830.000
159	Máy nén khí điều hòa 7S709/24V	Cái	2	6.515.000	13.030.000
160	Máy phát điện 3142.3771010-10	Cái	15	7.715.000	115.725.000
161	Mô tơ gạt mưa 892.5205100	Cái	2	3.515.000	7.030.000
162	Mô tơ quạt giàn nóng 90Z4-2	Cái	1	1.815.000	1.815.000
163	Ổng gió cao su 569-02-6E131	Cái	5	4.515.000	22.575.000

164	Phốt 105x130x13	Cái	2	185.000	370.000	
165	Phốt bốt lái 561-40-00100	Bộ	9	3.015.000	27.135.000	
166	Phốt cầu 80x105x12	Cái	40	165.000	6.600.000	
167	Phốt chắn bụi giảm sóc trước 569-50-61230	Cái	12	1.815.000	21.780.000	
168	Cần nhựa giảm sóc trước 07001-05190	Cái	12	208.000	2.496.000	
169	Gioăng giảm sóc trước 07000-15190	Cái	12	115.000	1.380.000	
170	Phốt chắn bụi moay σ sau 568-33-11511	Cái	6	5.915.000	35.490.000	
171	Phốt chắn mở giằng cầu Φ70	Cái	40	365.000	14.600.000	
172	Phốt đầu bơm cao áp 30x42x7	Cái	10	73.000	730.000	
173	Phốt đuôi bơm cao áp 45x60x8	Cái	20	104.000	2.080.000	
174	Phốt đuôi hộp số 80x105x12	Cái	3	165.000	495.000	
175	Phốt đuôi trục cơ 7406-1005160-02	Cái	6	755.000	4.530.000	
176	Phốt moay σ sau 154x175x13	Cái	4	105.000	420.000	
177	Phốt moay σ sau 65115-3104017	Cái	40	165.000	6.600.000	
178	Phốt moay σ trước 105x138	Cái	20	125.000	2.500.000	
179	Phốt moay σ trước 569-30-11412	Cái	18	4.115.000	74.070.000	
180	Piston giảm sóc ghế lái 370-8065	Cái	2	13.015.000	26.030.000	
181	Quạt dàn nóng Themoking 12 inch/24V	Cái	10	865.000	8.650.000	
182	Quạt giàn lạnh điều hòa HD230-41320	Cái	5	2.815.000	14.075.000	
183	Quạt giàn lạnh điều hòa SV236-51384	Cái	2	3.515.000	7.030.000	
184	Quạt giàn nóng 51552-41350	Cái	2	3.015.000	6.030.000	
185	Quạt dàn nóng 3T-4203	Cái	3	2.815.000	8.445.000	
186	Rơ le nhiệt Kamaz	Cái	5	555.000	2.775.000	
187	Rô tuyen ba dọc 180-3414060/3414061	Bộ	4	2.465.000	9.860.000	
188	Rô tuyen ba ngang R180-3414062/3414063	Bộ	4	2.465.000	9.860.000	
189	Rô tuyen đi số to Kamaz 6520	Cái	10	515.000	5.150.000	
190	Tấm búa phanh sau DFHB15T	Cái	2	3.515.000	7.030.000	
191	Tanh la răng 1100/1200-20	Cái	55	795.000	43.725.000	
192	Tay biên 740.1004045	Cái	1	4.115.000	4.115.000	
193	Tay giằng cầu hạ HD465	Cái	2	12.150.000	24.300.000	
194	Tay giằng cầu SP00325416	Cái	1	5.015.000	5.015.000	
195	Tay giằng cầu thượng HD465	Cái	4	9.015.000	36.060.000	
196	Thân các đăng cụt 569-20-71920	Cái	2	15.515.000	31.030.000	
197	Tiết chế máy phát BR28-11	Cái	2	1.515.000	3.030.000	

198	Tiết chế máy phát Я120M1	Cái	10	815.000	8.150.000	
199	Tổng côn dưới H03505	Cái	2	3.515.000	7.030.000	
200	Tổng côn dưới VG3350	Cái	5	2.215.000	11.075.000	
201	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Cái	4	2.515.000	10.060.000	
202	Trục cài cầu 6520-2502024	Cái	3	6.615.000	19.845.000	
203	Trục chữ thập 5320-2403060	Cái	5	1.911.000	9.555.000	
204	Trục đứng 6520-3001019	Cái	5	1.815.000	9.075.000	
205	Trục giảm chấn HD465	Cái	5	16.015.000	80.075.000	
206	Trục lai bơm ben 136303036	Cái	2	3.815.000	7.630.000	
207	Trục lai các đăng sau 6520-3904030	Cái	3	5.515.000	16.545.000	
208	Trục láp dài 6520-3501108	Cái	2	8.515.000	17.030.000	
209	Van chia hơi 1425183/RL3518Z77	Cái	1	1.615.000	1.615.000	
210	Van chia hơi 973011010	Cái	4	3.715.000	14.860.000	
211	Van điện từ 09070617	Cái	10	865.000	8.650.000	
212	Van hơi chuyển tầng hộp số 2880166	Cái	4	4.815.000	19.260.000	
213	Van hộp số 303.11.0014/6038202043	Cái	4	4.815.000	19.260.000	
214	Van nạp giảm sóc 566-50-11301	Cái	10	1.465.000	14.650.000	
215	Van tiết lưu máy lạnh VHE-15QTEX-11	Cái	6	713.500	4.281.000	
216	Van tiết lưu máy lạnh 447500-9220	Cái	4	1.215.000	4.860.000	
217	Vi lét phanh Hyundai HD260	Cái	2	1.115.000	2.230.000	
218	Vi lét phanh sau (bên lái) DFKB15T	Cái	2	615.000	1.230.000	
219	Vi nét phanh trước (RH) 45104350225890*79258	Cái	5	1.565.000	7.825.000	
220	Vi nét phanh trước (LH) 45104350225990*79259	Cái	5	1.565.000	7.825.000	
221	Vi nét phanh sau (RH) 45104350126090*79260	Cái	6	1.565.000	9.390.000	
222	Vi nét phanh sau (RH) 45104350126190*79261	Cái	6	1.565.000	9.390.000	
223	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Cái	1	1.565.000	1.565.000	
224	Vòng bi 6009	Vòng	5	465.000	2.325.000	
225	Vòng bi 6211C3	Vòng	2	1.215.000	2.430.000	
226	Vòng bi 6217C3	Vòng	2	1.515.000	3.030.000	
227	Vòng bi 6312	Vòng	2	945.000	1.890.000	
228	Vòng bi 6316C3	Vòng	2	2.515.000	5.030.000	
229	Vòng bi bánh đà 1180305	Vòng	4	415.000	1.660.000	
230	Vòng bi cầu 1042924K1M	Vòng	8	3.015.000	24.120.000	

231	Vòng bi cầu 30217	Vòng	3	965.000	2.895.000	
232	Vòng bi cầu 30313JR	Vòng	3	1.815.000	5.445.000	
233	Vòng bi cầu 32216	Vòng	10	1.815.000	18.150.000	
234	Vòng bi cầu 32313	Vòng	4	1.215.000	4.860.000	
235	Vòng bi cầu 32315	Vòng	4	1.315.000	5.260.000	
236	Vòng bi cầu 6312	Vòng	8	945.000	7.560.000	
237	Vòng bi NTN 206EAT2X	Vòng	5	715.000	3.575.000	
238	Vòng bi đuôi trục cơ 6205	Vòng	2	435.000	870.000	
239	Vòng bi NTN 6303	Vòng	2	265.000	530.000	
240	Vòng bi NTN 6304	Vòng	2	635.000	1.270.000	
241	Vòng bi SKF NJ206ECP	Vòng	5	965.000	4.825.000	
242	Xi lanh phanh trước xe SAMCO 34c	Cái	2	1.215.000	2.430.000	
243	Vi nét phanh Hyundai HD260	Cái	2	1.115.000	2.230.000	
244	Vành liên kết bi tê côn 1749126	Cái	1	865.000	865.000	
245	Vành răng bánh đà 7406-1005125	Cái	1	4.015.000	4.015.000	
246	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011	Cái	25	1.375.000	34.375.000	
247	Trục láp ngắn 6520-2403970	Cái	2	7.515.000	15.030.000	
248	Tổng côn trên DONGFENG	Cái	1	1.215.000	1.215.000	
249	Ống xả 54115-1203012-01	Cái	6	1.815.000	10.890.000	
250	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn HD465	Cái	5	6.015.000	30.075.000	
251	Lọc tinh nhiên liệu 8-98162897-0	Cái	1	465.000	465.000	
252	Lọc thô nhiên liệu 8-98037480-0	Cái	1	515.000	515.000	
253	Lọc tách nước PL-420	Cái	5	271.000	1.355.000	
254	Lọc phom xả UT1374	Cái	5	635.000	3.175.000	
255	Lọc gió động cơ 30295-2/30295-3	Bộ	1	2.415.000	2.415.000	
256	Lọc dầu thủy lực SFH-0084	Cái	3	175.000	525.000	
257	La răng 1200-20	Bộ	6	2.615.000	15.690.000	
258	Lá côn 16004350000	Cái	1	3.715.000	3.715.000	
259	Lá côn 1878080037	Cái	5	3.315.000	16.575.000	
260	Gương chiếu hậu SL-736	Cái	10	1.815.000	18.150.000	
261	Lọc van số 569-15-81730	Cái	1	3.215.000	3.215.000	
262	Cao su nối ống 07332-51400	Cái	5	465.000	2.325.000	
263	Piston bát hơi cài hộp số 1315 334 034	Cái	2	1.215.000	2.430.000	

264	Căn phíp bát hơi cài hộp số 0750 112 066	Cái	2	265.000	530.000
265	Phốt bát hơi cài hộp số 0734 307 294	Cái	2	365.000	730.000
266	Ốp chân hộp số 6460-1001124-10	Cái	2	2.415.000	4.830.000
267	Ốp chân hộp số 6460-1001125-10	Cái	2	2.415.000	4.830.000
268	Bi moay σ 27709	Vòng	1	615.000	615.000
269	Lọc dầu động cơ C1515/SFO6777	Cái	2	465.000	930.000
270	Vòng bi NTN 6206	Vòng	3	245.000	735.000
271	Vòng bi SKF 6305	Vòng	3	325.000	975.000
272	Trục cam 740.21-1006015	Cái	3	10.515.000	31.545.000
273	Giảm sóc cabin SP003324	Cái	4	1.315.000	5.260.000
274	Đồng hồ báo áp suất dầu động cơ Kamaz	Cái	5	515.000	2.575.000
275	Đèn pha Hyundai 15 tấn	Cái	1	3.865.000	3.865.000
276	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413	Cái	5	9.515.000	47.575.000
277	Dây đi số Dongfeng	Sợi	2	715.000	1.430.000
278	Dàn nóng HBS-PZ3005	Cái	5	2.865.000	14.325.000
279	Dàn lạnh HBS-P06403	Cái	5	2.615.000	13.075.000
280	Dàn nóng LR023952	Cái	1	3.015.000	3.015.000
281	Dàn lạnh Volvo L150H	Cái	2	3.515.000	7.030.000
282	Lốc điều hòa SD7H15	Cái	2	6.015.000	12.030.000
283	Phin lọc ga điều hòa 11164457	Cái	2	865.000	1.730.000
284	Cây các đấng sau 6520-2201011-10	Cái	15	11.515.000	172.725.000
285	Cây các đấng trước 6520-2205011-10	Cụm	2	35.015.000	70.030.000
286	Cao su mỡ nhíp trước Kamaz	Cái	6	465.000	2.790.000
287	Cao su giằng cầu DONGFENG	Quả	6	565.000	3.390.000
288	Cao su giảm sóc nhíp trước Kamaz	Cái	5	55.500	277.500
289	Cao su giảm chấn 35x18x45	Cái	20	95.000	1.900.000
290	Cao su chân máy sau Kamaz 6520	Cái	5	665.000	3.325.000
291	Cao su chân máy trước Kamaz 6520	Cái	5	515.000	2.575.000
292	Cánh quạt+biến mô 7482-1308010	Bộ	2	12.015.000	24.030.000
293	Bu ly tăng dây cu roa tron 1858885	Cái	10	865.000	8.650.000
294	Bi tê côn 160218	Cái	1	3.515.000	3.515.000
295	Bi chao GEF70ES-2RS/K3	Vòng	70	1.915.000	134.050.000

296	Bi chao GE60ES-2RS	Vòng	6	1.515.000	9.090.000
297	Bi chao GEK40XS 2RS	Vòng	16	1.015.000	16.240.000
298	Bi chao GEK45XS 2RS	Vòng	16	1.115.000	17.840.000
299	Xi lanh phanh trước SC4.6	Cái	4	1.615.000	6.460.000
300	Xi lanh phanh sau SC5.2	Cái	4	1.815.000	7.260.000
301	Bộ ly hợp máy nén khí điều hòa HS15/24V/B1- đường kính 138mm	Bộ	2	2.315.000	4.630.000
302	Bộ đầu lốc lạnh máy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	5	2.015.000	10.075.000
303	Bộ đầu lốc lạnh xe HD465 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	10	1.615.000	16.150.000
304	Bơm dầu động cơ 740.1011010-02	Cái	3	10.015.000	30.045.000
305	Bạc piston lái Φ45	Cái	20	315.000	6.300.000
306	Bạc giăng lái Φ40	Cái	20	265.000	5.300.000
307	Bàn ép côn 30899	Cái	3	8.515.000	25.545.000
308	Bi chữ thập các đăng lái Φ28x68	Vòng	5	305.000	1.525.000
309	Bi chữ thập các đăng Φ30x89	Cụm	5	315.000	1.575.000
310	Bi chữ thập các đăng Φ49x155	Vòng	2	815.000	1.630.000
311	Bơm dầu ben bánh răng AP2D28/R60	Cái	2	9.515.000	19.030.000
312	Bơm nước 4934058	Cái	2	3.015.000	6.030.000
313	Bơm nước 740.50-1307010	Cái	3	4.215.000	12.645.000
314	Bơm tay nhiên liệu DFH235T	Cái	3	1.515.000	4.545.000
315	Cao su giăng cầu DF80515T	Quả	16	715.000	11.440.000
316	Cây ba dọc 279-172-29	Cái	1	3.515.000	3.515.000
317	Cụm van chia hơi tổng 4757200080	Cụm	6	9.515.000	57.090.000
318	Đầu rô tuyn ba ngang W-025	Cái	2	1.815.000	3.630.000
319	Đèn pha máy xúc 24V	Cái	20	505.000	10.100.000
320	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu số SD-1750-03	Cái	5	815.000	4.075.000
321	Đồng hồ tổng hợp 37.003.671-75	Cái	1	1.865.000	1.865.000
322	Giảm chấn cabin Hyundai HD260	Bộ	4	315.000	1.260.000
323	Giảm sóc nhíp sau 55300-5A200	Cái	2	2.215.000	4.430.000
324	Lốc điều hòa ST7547N4	Cái	3	6.515.000	19.545.000
325	Má phanh trước 114-9297/114-9299	Cặp	10	4.515.000	45.150.000
326	Máy phát điện SI021	Cái	2	12.515.000	25.030.000
327	Phanh tay lốc kê DFP202B	Cái	2	815.000	1.630.000
328	Vòng bi NTN 6307	Vòng	3	435.000	1.305.000
329	Vòng bi NTN 6309	Vòng	3	804.000	2.412.000
330	Dàn nóng HBS-L0929	Cái	12	1.615.000	19.380.000

331	Bi chữ thập các đăng Kawasaki 90ZIV-2 42060-70450	Cụm	2	2.815.000	5.630.000
332	Bi treo các đăng Kawasaki 90ZIV-2 41441-70360	Cái	1	3.515.000	3.515.000
333	Lọc dầu động cơ SFO 3343	Cái	4	465.000	1.860.000
334	Lọc dầu nhiên liệu SFF 5393	Cái	4	365.000	1.460.000
335	Dây cu roa động cơ 9720	Sợi	28	995.000	27.860.000
336	Vòng đồng tốc 1316304170EU	Cái	6	2.815.000	16.890.000
337	Vòng đồng tốc 1356304022EU	Cái	3	7.015.000	21.045.000
338	Vòng đồng tốc 1356304024EU	Cái	3	4.215.000	12.645.000
339	Vòng đồng tốc 1316304156EU	Cái	6	2.615.000	15.690.000
340	Vòng đồng tốc 1316304162EU	Cái	3	2.415.000	7.245.000
341	Vòng đồng tốc 1316304167EU	Cái	3	4.215.000	12.645.000
342	Vòng đồng tốc 1316304168EU	Cái	6	3.515.000	21.090.000
343	Vòng đồng tốc 1316304159EU	Cái	6	3.515.000	21.090.000
344	Chốt 1297304436	Cái	6	365.000	2.190.000
345	Vòng bi thân a cơ 0750117732	Vòng	2	4.455.000	8.910.000
346	Bánh răng 1315302158EU	Cái	2	6.015.000	12.030.000
347	Vòng đồng tốc 1297304484EU	Cái	2	2.815.000	5.630.000
348	Vòng đồng tốc 1312304027EU	Cái	2	2.515.000	5.030.000
349	Vòng bi hóc a cơ 0750 117 677	Vòng	2	4.415.000	8.830.000
350	Bi tê côn 370241/A	Cái	3	4.215.000	12.645.000
351	Vòng bi 0750 117 678	Vòng	2	2.415.000	4.830.000
352	Vòng bi đuôi trục thứ cấp 0750117232	Vòng	2	4.215.000	8.430.000
353	Trục a cơ 1315302162	Cái	2	14.515.000	29.030.000
354	Chổi gạt mưa Kamaz	Cái	16	135.000	2.160.000
355	Cần gạt mưa Kamaz	Cái	10	195.000	1.950.000
356	Trục chữ thập vi sai cài cầu 6520-2506060	Cái	4	2.615.000	10.460.000
357	Bánh răng vi sai cài cầu 6520-2506055-10	Cái	16	1.015.000	16.240.000
358	Cần vi sai cài cầu 6520-2506058	Cái	16	65.000	1.040.000
359	Bộ vỏ ốp vi sai cài cầu 6520-2506016	Bộ	2	9.815.000	19.630.000
360	Cụm phom xả khí 45104351100790	Cụm	6	1.515.000	9.090.000
361	Phanh hãm 6520-2502142	Cái	5	535.000	2.675.000
362	Xi lanh phanh 58333-45001	Cái	4	865.000	3.460.000
363	Bi moay ơ trước NTN 32032XU	Vòng	2	10.815.000	21.630.000

364	Bi moay ơ trước NTN 4T-32036XE1	Vòng	2	13.385.000	26.770.000
365	Chốt đi số 1324 207 005	Cái	6	3.515.000	21.090.000
366	Ống cao su kết mát 6520-1303010-01	Cái	5	515.000	2.575.000
367	Ống cao su kết mát 6520-1303026-01	Cái	5	515.000	2.575.000
368	Ống cao su 53205-1170245	Cái	5	615.000	3.075.000
369	Cánh quạt động cơ 740.51-1308012/020002748	Cái	4	3.515.000	14.060.000
370	Nắp chụp dàn cò 7406.1003264	Cái	2	1.215.000	2.430.000
371	Bi tê côn 343151001051	Cái	1	6.015.000	6.015.000
372	Bạc gỏi cầu cân bằng 1754546	Cái	2	715.000	1.430.000
373	Cần bi tỷ trực đứng Kamaz	Cái	10	365.000	3.650.000
374	Bi treo các đặng Kamaz 65201 Φ60	Vòng	5	1.515.000	7.575.000
375	Cổ xả giữa HD465	Cái	2	10.015.000	20.030.000
376	Phanh hãm 804846	Cái	10	265.000	2.650.000
377	Rơ le số quạt điều hòa 056700-8170	Cái	5	1.615.000	8.075.000
378	Đĩa phanh HD465	Cái	2	9.515.000	19.030.000
379	Đèn xi nhan trước Kamaz	Cái	12	565.000	6.780.000
380	Đèn xi nhan sườn Kamaz	Cái	12	315.000	3.780.000
381	Đèn hậu Led	Cái	14	465.000	6.510.000
382	Đèn lùi inox 24V	Cái	20	130.000	2.600.000
383	Van tiết lưu máy lạnh 1772728	Cái	4	815.000	3.260.000
384	Giàn nóng điều hòa 1752264	Cái	2	3.015.000	6.030.000
385	Quạt gió điều hoà ZD2140012403	Cái	2	1.815.000	3.630.000
386	Lốc điều hòa ST752827/1888033	Cái	2	4.515.000	9.030.000
387	Phin lọc điều hòa 1772730	Cái	2	865.000	1.730.000
388	Dàn lạnh 1772726	Cái	2	2.515.000	5.030.000
389	Tăm bua phanh 6520-3501070	Cái	3	3.515.000	10.545.000
390	Bánh đà 740.30-1005115	Cái	1	18.915.000	18.915.000
391	Lọc tách nước P550747	Cái	2	665.000	1.330.000
392	Ống gió tăng áp 6212-11-4420	Cái	2	7.015.000	14.030.000
393	Bộ li hợp điện từ của máy nén khí điều hòa ô tô, đường kính 123mm	Bộ	6	1.865.000	11.190.000
394	Vòng bi NTN 6306	Vòng	2	465.000	930.000
395	Pin điện từ đi số DH300-5	Cái	4	2.515.000	10.060.000
396	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu máy SD-1750-4	Cái	5	815.000	4.075.000
397	Vòng bi càng gạt bi tê 0635285037/GE25ES-2RS	Vòng	4	365.000	1.460.000
398	Phốt 117x174x14/28	Cái	2	365.000	730.000

399	Bi chữ thập các đặng Φ49x170	Cụm	2	1.515.000	3.030.000	
400	Bi chữ thập các đặng Φ49.2x191	Cụm	2	1.515.000	3.030.000	
401	Bầu phanh trước 960-3519310-10	Cái	8	1.715.000	13.720.000	
402	Phốt chắn mỡ 140x160x8	Cái	20	365.000	7.300.000	
403	Máy phát điện 24V-70A 37300-45600	Cái	1	8.515.000	8.515.000	
404	Tăng áp động cơ 7406- 1118010/12749880003	Cụm	4	9.315.000	37.260.000	
405	Trục quả đào 58375-7C450/58475- 7C450	Cái	4	2.815.000	11.260.000	
406	Dàn lạnh CZ08812	Cái	2	2.515.000	5.030.000	
407	Van tiết lưu 38352	Cái	2	713.500	1.427.000	
408	Cao su giăng cầu Φ70	Quả	10	715.000	7.150.000	
409	Bạc cổ gầu 140x175x185	Cái	4	6.515.000	26.060.000	
410	Bạc tai gầu 130x150x130	Cái	2	1.515.000	3.030.000	
411	Rơ le phụ đề SP1296	Cái	10	365.000	3.650.000	
412	Bộ vỏ ốp cao su chân hộp số Kamaz 6520	Bộ	14	2.015.000	28.210.000	
413	Bi treo các đặng 49730-75700/60-20	Cái	2	1.815.000	3.630.000	
414	Bường đầu hộp số 1316301064	Cái	4	20.015.000	80.060.000	
415	Bường đuôi hộp số 1315401224	Cái	2	18.015.000	36.030.000	
416	Trục lai bơm ben Kamaz 6520	Cái	5	1.585.000	7.925.000	
417	Lốc lạnh 2407264814Z	Cái	12	3.815.000	45.780.000	
418	Lốc lạnh 2407264822Z	Cái	6	3.815.000	22.890.000	
419	Lốc điều hòa 001484207970	Cái	5	9.015.000	45.075.000	
420	Lốc điều hòa 0154512180	Cái	3	11.015.000	33.045.000	
421	Tổng côn trên 1513717/096.316	Cái	2	6.515.000	13.030.000	
422	Van nạp giảm sóc 440-2667	Cái	3	2.815.000	8.445.000	
423	Moay ơ trước 6520-3103015	Cái	5	9.515.000	47.575.000	
424	Cụm kéo phanh tay 100-3537010	Cái	2	2.515.000	5.030.000	
425	Van tiết lưu điều hòa 1534QEX	Cái	10	665.000	6.650.000	
426	Van áp lực điều hòa HFC-134a	Cái	5	365.000	1.825.000	
427	Phin lọc ga điều hòa CD-6007	Cái	20	465.000	9.300.000	
428	Vành cài đuôi số mạnh 1296 333 050	Cái	3	4.415.000	13.245.000	
429	Vành cài số mạnh 1316 233 029	Cái	3	5.215.000	15.645.000	
430	Vành lùa số mạnh 1296 333 023	Cái	3	4.015.000	12.045.000	
431	Vành thắng tăng chậm 1296 333 045	Cái	6	3.615.000	21.690.000	
432	Ruột số mạnh 1313 333 001	Cái	3	4.415.000	13.245.000	
433	Ống cao su 209-03-41711	Cái	3	4.915.000	14.745.000	
434	Lọc dầu động cơ FC-5602	Cái	8	465.000	3.720.000	

435	Lọc dầu nhiên liệu CX1011	Cái	8	465.000	3.720.000
436	Gioăng lốp 26.5-25	Cái	6	515.000	3.090.000
437	Xi lanh nâng hạ cabin 5003010-C0300	Cái	3	3.515.000	10.545.000
438	Bi chao 707-46-14010	Cái	2	25.015.000	50.030.000
439	Lọc gió động cơ 8-98321413-0	Cái	2	1.515.000	3.030.000
440	Xi lanh phanh 11H0983CG	Cái	6	865.000	5.190.000
441	Tiết chế máy phát 37300-45600	Cái	2	1.215.000	2.430.000
442	Ty tắt máy WG9100570014	Cái	1	515.000	515.000
443	Trục đỡ guốc phanh trước LS-STR	Cái	2	465.000	930.000
444	Tay đỡ ba ngang SG-400C	Cái	1	1.215.000	1.215.000
445	Bơm tay nhiên liệu P7100	Cái	1	1.215.000	1.215.000
446	Bình hơi WG9003550094/ WG9000360701	Cái	3	1.515.000	4.545.000
447	Bầu phanh lốc kê WG9000360600	Cái	2	1.215.000	2.430.000
448	Xi lanh lái 4310-5003014	Cái	1	10.515.000	10.515.000
449	Trục cơ 740.50-1005020/ 52561000	Cái	2	55.015.000	110.030.000
450	Van chia hơi 1 tầng RL3518AH	Cái	6	3.715.000	22.290.000
451	Phốt nắp piston nâng hạ ben 167-2201/2892937	Cái	2	815.000	1.630.000
452	Phốt nắp piston nâng hạ ben 167-2312/2892948	Cái	2	815.000	1.630.000
453	Gioăng chắn dầu nắp piston nâng hạ ben 175-7900/2H3934	Cái	2	165.000	330.000
454	Phốt piston nâng hạ ben 8C-9160	Cái	2	1.215.000	2.430.000
455	Phốt chắn bụi 225-3281	Cái	2	515.000	1.030.000
456	Ống cao su cô hút gió 53205- 1109375	Cái	4	765.000	3.060.000
457	Kim phun nhiên liệu D5H00-1112100A-011	Cái	4	7.465.000	29.860.000
458	Cảm biến áp suất nhiên liệu 29389851	Cái	1	2.515.000	2.515.000
459	Phin lọc dầu nhiên liệu J7W00-1105350	Cái	1	465.000	465.000
460	Phin lọc dầu nhiên liệu D5H00-1105140/FS2426	Cái	1	715.000	715.000
461	Bi chữ thập các đăng 30x90	Cụm	3	815.000	2.445.000
462	Bu ly tăng dây cu roa có rãnh 1858884	Cái	3	865.000	2.595.000
463	Bơm thủy lực AH-080204221039	Cái	1	18.015.000	18.015.000
464	Cảm biến nhiệt độ nước TM100A 0206	Cái	8	465.000	3.720.000

465	Phốt đuôi trục cơ 135x150x12/ 6L375	Cái	2	415.000	830.000	
466	Rô tuyn ba ngang 8-97107349-QJ	Cái	2	915.000	1.830.000	
467	Giảm sóc cabin 5320-5001076-10	Cái	4	765.000	3.060.000	
468	Vòng bi rulip 569-13-52160	Vòng	1	60.135.000	60.135.000	
469	Khớp lai bom ben 6090306021	Cái	5	3.615.000	18.075.000	
470	Bi chao 7J-3297	Cái	14	4.015.000	56.210.000	
471	Gioăng phốt xi lanh lái 17489882	Bộ	4	4.915.000	19.660.000	
472	Gioăng phốt xi lanh nâng cần 17264520	Bộ	4	4.965.000	19.860.000	
	Thành Tiền				8.328.969.500	
	Thuế vat 8%				666.317.560	
I	Tổng tiền				8.995.287.060	
473	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Cái	60	495.000	29.700.000	
474	Quang nhíp sau M30x90x530	Bộ	6	815.000	4.890.000	
475	Quang nhíp sau M27x90x440	Cái	6	615.000	3.690.000	
476	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	12	265.000	3.180.000	
477	Quang nhíp trước HUYNDAI HD260	Cái	4	265.000	1.060.000	
478	Quang nhíp trước Dongfeng	Cái	4	265.000	1.060.000	
479	Nhíp giảm sóc cabin 5320-5001080	Bộ	8	715.000	5.720.000	
480	Bộ nhíp sau xe Hyundai County 29 chỗ ar- 10 lá	Bộ	2	7.965.000	15.930.000	
481	Nhíp sau 100x22x1000	Lá	30	1.095.000	32.850.000	
482	Nhíp sau 100x22x1150	Lá	30	1.106.000	33.180.000	
483	Nhíp sau 100x22x1250	Lá	30	1.195.000	35.850.000	
484	Nhíp sau 100x22x1600	Lá	80	1.528.000	122.240.000	
485	Nhíp sau 100x22x350	Lá	25	625.000	15.625.000	
486	Nhíp sau 100x22x450	Lá	25	627.000	15.675.000	
487	Nhíp sau 100x22x550	Lá	25	685.000	17.125.000	
488	Nhíp sau 100x22x650	Lá	25	806.000	20.150.000	
489	Nhíp sau 100x22x750	Lá	25	930.000	23.250.000	
490	Nhíp sau 100x22x850	Lá	25	1.045.000	26.125.000	
491	Nhíp trước 90x14x1050	Lá	10	829.000	8.290.000	
492	Nhíp trước 90x14x1200	Lá	10	901.000	9.010.000	
493	Nhíp trước 90x14x1350	Lá	10	955.000	9.550.000	
494	Nhíp trước 90x14x1500	Lá	12	1.060.000	12.720.000	
495	Nhíp trước 90x14x350	Lá	6	481.000	2.886.000	
496	Nhíp trước 90x14x450	Lá	6	562.000	3.372.000	
497	Nhíp trước 90x14x600	Lá	10	642.000	6.420.000	
498	Nhíp trước 90x14x750	Lá	10	743.000	7.430.000	
499	Nhíp trước 90x14x900	Lá	10	817.000	8.170.000	
500	Nhíp trước lá số 1; 90x12x1500	Lá	2	1.515.000	3.030.000	

501	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Lá	6	1.280.000	7.680.000	
502	Nhíp trước lá số 1; 90x16x1720	Lá	2	1.815.000	3.630.000	
503	Nhíp trước lá số 2; 90x12x1500	Lá	2	1.415.000	2.830.000	
504	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Lá	8	1.328.000	10.624.000	
505	Nhíp trước lá số 2; 90x16x1720	Lá	2	1.815.000	3.630.000	
506	Nhíp trước lá số 3; 90x12x1400	Lá	2	1.365.000	2.730.000	
507	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Lá	6	1.098.000	6.588.000	
508	Lò xo guốc phanh	Cái	6	135.000	810.000	
509	Đinh tán Φ8	Cái	1000	19.000	19.000.000	
510	Ê cu tắc kê 569-22-72870	Cái	20	265.000	5.300.000	
511	Gas 134 KLEA	Bình	12	3.915.000	46.980.000	
512	Dầu lạnh PAG 100HQ	Chai	20	515.000	10.300.000	
513	Nhíp sau 90x20x1500	Lá	2	1.915.000	3.830.000	
514	Nhíp sau 90x20x1200	Lá	2	1.565.000	3.130.000	
515	Nhíp sau 90x20x1100	Lá	2	1.365.000	2.730.000	
516	Nhíp sau 90x20x1000	Lá	2	1.315.000	2.630.000	
517	Nhíp sau 90x20x900	Lá	2	1.215.000	2.430.000	
518	Nhíp sau 90x20x800	Lá	2	1.115.000	2.230.000	
519	Nhíp sau 90x20x700	Lá	2	865.000	1.730.000	
520	Nhíp sau 90x20x600	Lá	2	795.000	1.590.000	
521	Nhíp sau 90x20x500	Lá	2	665.000	1.330.000	
522	Nhíp sau 90x20x400	Lá	2	615.000	1.230.000	
523	Bu lông giằng cầu M20L120	Bộ	60	60.000	3.600.000	
524	Bu lông giằng cầu M20L330	Bộ	120	125.000	15.000.000	
525	Nhíp cục phía trước Samco 5.2	Bộ	2	7.515.000	15.030.000	
526	Nhíp cục phía sau Samco 5.2	Bộ	2	8.015.000	16.030.000	
527	Quang nhíp sau Samco 5.2	Cái	4	495.000	1.980.000	
528	Bộ nhíp trước Dongfeng (9 lá)	Bộ	1	12.015.000	12.015.000	
529	Bu lông M20L150 (8.8)	Bộ	300	65.000	19.500.000	
530	Bu lông M27L280 (12.9)	Bộ	500	215.000	107.500.000	
531	Bu lông stan sau	Bộ	35	95.000	3.325.000	
532	Bu lông stan trước	Bộ	15	75.000	1.125.000	
533	Bu lông tắc kê 569-22-72850	Cái	10	965.000	9.650.000	
534	Bu lông tắc kê 569-22-72860	Cái	10	765.000	7.650.000	
535	Bu lông tắc kê DF22x12	Bộ	20	100.000	2.000.000	
536	Bu lông tắc kê 6520-3104071	Bộ	120	80.000	9.600.000	
	Thành Tiền				845.145.000	
	vat 10%				84.514.500	
II	Tổng tiền				929.659.500	
	Tổng tiền: I+II				9.924.946.560	

